

Bản tin thị trường

20.09.2022

Nhận định, tin doanh nghiệp, data talks

Tin Trọng Điểm

Nhận định thị trường
Cổ phiếu quan tâm
Danh mục đầu tư

Tin Doanh Nghiệp

GVR, FPT

Data Talks

Cổ phiếu tăng trưởng
Lịch chia cổ tức



Thị trường bật tốt khi chạm 1200. Rủi ro vẫn còn

Thị trường đã phản ứng tốt trong phiên hôm nay khi chỉ số xanh trở lại vào phiên chiều và tăng 13 điểm cuối phiên. Buổi sáng giao dịch vẫn còn khá giằng co và phía bên mua dù đã vào hàng mạnh dặn hơn nhưng vẫn còn khá thận trọng. Phiên chiều chỉ số đảo xanh nhưng giao dịch vẫn không quá nổi bật. Thanh khoản cả ngày hôm nay ở mức rất thấp chỉ khoảng 11 ngàn tỷ trên sàn HOSE.

Nhóm chứng khoán phục hồi tốt nhất trong ngày ở nhóm cổ phiếu MBS, VND, SSI, CTS. Nhóm ngân hàng và bất động sản cũng xanh nhẹ ở một số mã BID, STB, CTG, MBB. Một số cổ phiếu nhóm phân bón và bán lẻ cũng đảo chiều khá như DGC, DPM, DGW, MWG...

Trong bối cảnh thị trường chung âm ảm thì phiên đảo chiều hôm nay là một điểm sáng có thể kỳ vọng. Cú hồi kỹ thuật sao khi chạm ngưỡng 1200 chưa khẳng định thị trường đảo chiều xu hướng vì vậy nhà đầu tư vẫn nên giữ quan điểm thận trọng. Các nhịp hồi mạnh vẫn là ưu tiên cơ cấu danh mục theo hướng giảm tỷ trọng margin và đưa tài khoản về vùng an toàn.

Tin Doanh Nghiệp

Tập đoàn Cao su Việt Nam (GVR) lãi hơn 4.400 tỷ đồng sau 9 tháng



lãnh đạo GVR đã công bố ước tính kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm với doanh thu toàn tập đoàn là 18.397 tỷ đồng, lợi nhuận 4.408 tỷ (không công bố rõ là lợi nhuận trước thuế hay sau thuế), lần lượt tăng 2% và 4% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, doanh thu công ty mẹ là 1.927 tỷ đồng, lợi nhuận công ty mẹ là 876 tỷ, tăng 1% và 2%.

Nửa đầu năm, doanh thu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ của GVR là 10.481 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đã soát xét là 2.493 tỷ. Như vậy tính riêng trong quý III, GVR thu về 7.916 tỷ đồng, tăng 28% so với quý III/2021.

Theo kế hoạch năm nay, GVR đặt mục tiêu doanh thu và lợi nhuận hợp nhất lần lượt là 29.707 tỷ đồng và 5.340 tỷ đồng. Như vậy sau 9 tháng, tập đoàn đã thực hiện được 62% và 83% chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận cả năm.

Ông Trần Công Kha, Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT) cho biết, trong cơ cấu doanh thu và lợi nhuận của riêng Công ty mẹ Tập đoàn còn bao gồm dự thu khoản lợi nhuận từ thoái vốn với giá trị ước tính là 429 tỷ đồng và thu đền bù đất đai từ nguồn ngân sách các địa phương khi thu hồi đất của GVR vào các mục đích phát triển kinh tế, xã hội. Do đó, trong trường hợp vì lý do khách quan, hai nguồn thu này chưa được thực hiện trong năm cũng sẽ làm giảm doanh thu, lợi nhuận của Tập đoàn năm 2022.

Tổng Giám đốc GVR cho biết, mục tiêu phát triển các lĩnh vực hoạt động chính đến 2025, tổng doanh thu dự kiến của tập đoàn tăng hơn 30% so với hiện nay, lợi nhuận sẽ tăng trưởng khoảng 20% và sẽ tăng nhanh hơn trong giai đoạn sau năm 2025.

Cụ thể, doanh thu hợp nhất của tập đoàn trong vòng 5 năm tới là 161.730 tỷ đồng (trung bình khoảng 32.300 tỷ đồng/năm), lợi nhuận hợp nhất trước thuế là 34.435 tỷ đồng (trung bình khoảng 6.870 tỷ đồng/năm). Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ tập đoàn khoảng 12.350 tỷ đồng (trung bình 2.470 tỷ đồng/năm, tăng trung bình 7%/năm).

FPT lãi ròng hơn 500 tỷ đồng trong tháng 8, tăng 28%

CTCP FPT (Mã: FPT) vừa công bố kết quả kinh doanh 8 tháng đầu năm đạt 27.060 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 4.951 tỷ, lần lượt tăng 24% và 23,6% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế cho cổ đông công ty mẹ đạt 3.409 tỷ đồng, tăng gần 30%.

Tính riêng trong tháng 8, doanh thu thuần của FPT là 3.841 tỷ đồng, tăng 35% so với tháng cùng kỳ. Công ty lãi trước thuế 739 tỷ, tăng 28%. Còn lãi sau thuế của cổ đông công ty mẹ là 503 tỷ.

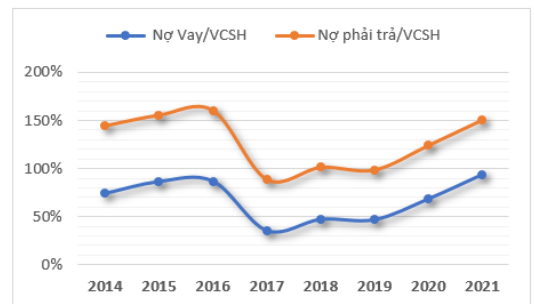
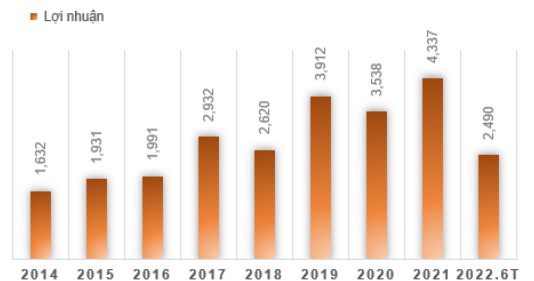
Năm 2022, tập đoàn lên kế hoạch kế hoạch 42.420 tỷ đồng doanh thu và 7.618 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế. Như vậy, sau 8 tháng, FPT đã thực hiện được lần lượt 64% và 65% chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận cả năm.

8 tháng đầu năm, mảng công nghệ tiếp tục đóng góp chính vào doanh thu và lợi nhuận của FPT với tỷ lệ lần lượt là 57% và 46%, tương ứng với doanh thu mảng này là 15.481 tỷ và lợi nhuận là 2.256 tỷ.

Các mảng khác như viễn thông cũng như giáo dục, đầu tư và khác cũng ghi nhận tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận hai con số so với cùng kỳ.

Mảng xuất khẩu phần mềm tiếp tục đà tăng trưởng với mức doanh thu 11.731 tỷ đồng, tương đương với mức tăng 28,7%, đóng góp bởi sức tăng đến từ thị trường Mỹ (tăng 42%) và APAC (tăng 61%). Thị trường Nhật Bản có sự phục hồi đáng kể với mức tăng trưởng doanh thu theo đồng Yên đạt 18,7%.

FPT cho biết, khối lượng đơn hàng ký mới tại thị trường nước ngoài tăng 42% lên mức





Phân tích kỹ thuật



Vnindex đảo chiều xanh sau khi chạm vùng hỗ trợ tâm lý đầu tiên quanh 1200 trong khi ngưỡng hỗ trợ mạnh hơn tập trung quanh vùng 1150-1180 bên dưới. Thị trường vẫn còn nhiều rủi ro trong ngắn hạn dựa theo các yếu tố thị trường quốc tế còn nhiều yếu tố bất thường trong thời gian tới. Nhà đầu tư tiếp tục giữ tỷ trọng cổ phiếu ở mức thấp và chờ cơ hội giải ngân trở lại.

Một số nhóm cổ phiếu có thể chờ tín hiệu mua: FPT (80-82), DGW (67-69), STB (20-21), VCI (30-31),

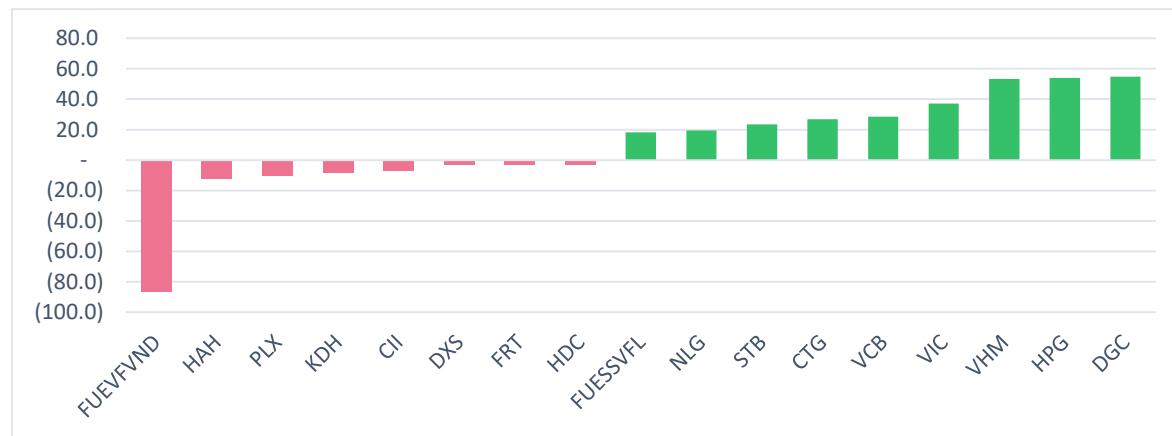


Tổng hợp kết quả kinh doanh 6T.2022

Ngành	SỐDN	DT6T.2022	DT6T.2021	%	LN6T.2022	LN6T.2021	%
Ngân hàng	27	203,760	173,141	17.7%	104,667	78,436	33.4%
Dầu khí	23	395,240	232,972	69.7%	22,242	10,863	104.8%
Bất động sản	81	93,342	157,857	-40.9%	18,575	28,731	-35.3%
Sản xuất và KD Thép	26	199,122	165,060	20.6%	14,525	22,369	-35.1%
Thực phẩm và đồ uống	71	156,961	157,122	-0.1%	15,677	13,917	12.6%
Vận tải - Logistics	73	63,186	54,944	15.0%	9,918	5,560	78.4%
Điện	43	78,672	69,172	13.7%	10,206	5,519	84.9%
Phân bón	13	38,528	24,395	57.9%	7,931	1,234	542.5%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	72	54,699	47,203	15.9%	6,077	6,676	-9.0%
Dịch vụ tài chính	40	26,338	22,619	16.4%	5,530	7,996	-30.8%
Bất động sản KCN	22	31,682	28,932	9.5%	9,234	5,289	74.6%
Xây dựng	110	84,077	84,526	-0.5%	6,318	4,347	45.3%
Hóa chất	27	46,366	32,271	43.7%	4,288	1,745	145.7%
Bán lẻ	21	124,887	105,304	18.6%	3,248	3,416	-4.9%
Thủy sản	24	33,252	25,119	32.4%	3,151	1,039	203.4%
Công nghệ Thông tin	18	24,833	20,617	20.4%	2,928	2,010	45.7%
Vật liệu xây dựng	42	36,968	28,449	29.9%	3,561	2,675	33.1%
Bảo hiểm	11	33,779	29,871	13.1%	2,156	2,421	-10.9%
Hàng cá nhân & Gia dụng	27	34,335	25,932	32.4%	2,598	1,798	44.4%
Dệt May	21	36,228	28,330	27.9%	1,945	1,465	32.8%
Nước	48	11,509	11,054	4.1%	1,616	1,608	0.5%
Y tế	36	21,471	24,311	-11.7%	1,550	1,425	8.8%
Viễn thông	5	19,409	16,921	14.7%	3,261	862	278.1%
Du lịch và Giải trí	32	56,344	29,703	89.7%	(4,241)	(8,679)	
Khoáng sản	33	49,095	31,309	56.8%	1,154	947	21.8%
Tài nguyên Cơ bản	20	17,021	15,813	7.6%	760	1,123	-32.3%
Cao su	13	2,599	2,335	11.3%	502	412	21.8%
Truyền thông	30	6,382	4,862	31.3%	486	250	94.1%
Ô tô và phụ tùng	11	23,561	19,738	19.4%	699	548	27.6%
Bao bì	17	18,682	13,248	41.0%	301	248	21.4%
Xây dựng và Vật liệu	58	13,485	15,235	-11.5%	204	(65)	
Phân phối xăng dầu & khí đốt	5	6,691	3,808	75.7%	73	71	3.5%
Tổng	1,100	2,042,500	1,702,175	20.0%	261,139	206,255	26.6%



Top mua bán ròng khối ngoại trong ngày (tỷ VND)



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	EPS	Book Value
ACB	HOSE	25.0	5,995,200	5.8	1.6	-	90	4,306	15,416
BID	HOSE	39.2	2,040,300	13.6	2.1	273,000	93,020	2,883	18,580
CTG	HOSE	29.1	5,961,800	9.4	1.4	1,062,600	31,830	3,099	21,387
EIB	HOSE	30.6	400,100	18.4	2.0	233,900	-	1,659	15,513
HDB	HOSE	24.9	1,779,000	6.9	1.4	73,650	6,400	3,591	17,576
LPB	HOSE	16.0	6,317,800	4.7	1.2	13,390	4,300	3,398	13,136
MBB	HOSE	26.8	9,550,900	6.3	1.4	5,879,040	5,879,000	4,221	18,767
MSB	HOSE	18.8	3,089,500	6.3	1.2	-	-	2,960	16,090
OCB	HOSE	18.1	2,454,900	6.6	1.1	159,000	8,000	2,754	16,897
SHB	HOSE	15.2	14,782,600	4.9	1.0	656,700	40	3,062	14,879
SSB	HOSE	31.5	1,439,300	12.7	2.6	219,500	200	2,472	11,892
STB	HOSE	25.5	13,785,600	13.4	1.3	1,284,300	221,100	1,905	18,989
TCB	HOSE	38.2	4,810,300	6.6	1.3	90,000	90,000	5,766	29,757
TPB	HOSE	27.9	2,456,300	6.9	1.5	136,300	30,840	4,024	18,340
VCB	HOSE	78.8	904,300	13.2	3.0	395,100	35,380	5,956	25,988
VIB	HOSE	26.2	1,822,400	5.8	2.0	80	70	4,528	13,403
VPB	HOSE	29.0	12,627,600	6.7	1.3	-	-	4,346	22,163
BAB	HNX	17.0	7,700	17.0	1.4	-	-	1,002	12,383
NVB	HNX	28.8	45,500	-	3.7	-	-	(188)	7,686
VBB	UPCOM	10.7	18,400	9.2	0.8	-	-	1,163	12,626
VAB	UPCOM	10.2	136,700	6.0	0.8	200	-	1,701	12,691
SGB	UPCOM	13.5	36,500	-	1.1	-	-	502	12,530
PGB	UPCOM	22.0	12,000	20.7	1.5	-	-	1,065	14,590
NAB	UPCOM	14.1	267,000	-	-	-	-	3,247	17,329
KLB	UPCOM	23.3	5,500	22.6	1.8	-	60	1,031	13,236
BVB	UPCOM	14.1	619,400	19.7	1.0	-	-	715	13,432
ABB	UPCOM	11.7	2,119,300	4.3	0.9	-	-	2,719	13,255
			93,485,900	10.32	1.56	10,476,760	6,400,330	2,737	16,242



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	ALT	HNX	20/09/2022	21/09/2022	26/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	TRC	HOSE	19/09/2022	20/09/2022	27/10/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	DIH	HNX	19/09/2022	20/09/2022	20/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	FCM	HOSE	19/09/2022	20/09/2022	18/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 250 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	XLV	UPCoM	15/09/2022	16/09/2022	5/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	CMV	HOSE	14/09/2022	15/09/2022	14/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	BIC	HOSE	14/09/2022	15/09/2022	13/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	GMC	HOSE	14/09/2022	15/09/2022	29/09/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 3,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	SZL	HOSE	12/9/2022	13/09/2022	30/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 4,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	SZL	HOSE	12/9/2022	13/09/2022	30/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	X20	HNX	12/9/2022	13/09/2022	26/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	TVH	UPCoM	9/9/2022	12/9/2022	12/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 3,327 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	NAV	HOSE	7/9/2022	8/9/2022	30/09/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	API	HNX	6/9/2022	7/9/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:120	Thưởng cổ phiếu
15	GH3	UPCoM	5/9/2022	6/9/2022	6/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 417 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	SPV	UPCoM	5/9/2022	6/9/2022	6/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	ADS	HOSE	5/9/2022	6/9/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
18	CEG	UPCoM	31/08/2022	5/9/2022	26/09/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	PMC	HNX	31/08/2022	5/9/2022	20/09/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	BMC	HOSE	31/08/2022	5/9/2022	20/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	HSV	UPCoM	31/08/2022	5/9/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:5	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
22	TDT	HNX	31/08/2022	5/9/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:12	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
23	X26	UPCoM	31/08/2022	5/9/2022	31/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	GE2	UPCoM	30/08/2022	31/08/2022	3/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	TNB	UPCoM	30/08/2022	31/08/2022	23/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 650 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	TNB	UPCoM	30/08/2022	31/08/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 50:13	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
27	SZC	HOSE	30/08/2022	31/08/2022	28/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	VTK	UPCoM	30/08/2022	31/08/2022	15/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cân nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931